

Số: 6477/ĐA-UBND

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 10 năm 2018

ĐỀ ÁN

**NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN LÝ AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA
THỦY LỢI TỈNH QUẢNG NGÃI**

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 3828
	Ngày: 24/10/18
	Chuyển:

Thực hiện Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 07/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý, đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước; đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 6115/BNN-TCTL ngày 10/8/2018 về việc tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 07/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3083/TTr-SNNPTNT ngày 11/10/2018, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Đề án Nâng cao năng lực quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

PHẦN 1

1. Khái quát chung

Được sự quan tâm đầu tư của Trung ương, địa phương và đóng góp của nhân dân vùng hưởng lợi, đến cuối năm 2018, tỉnh Quảng Ngãi có 123 hồ chứa nước thủy lợi được đưa vào sử dụng, cơ bản giải quyết nhu cầu cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế khác. Năng suất cây trồng ngày càng tăng, đời sống nhân dân được cải thiện, góp phần quan trọng thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Tuy nhiên, phần lớn các hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh được xây dựng từ năm 1989 trở về trước (83 hồ chứa), đầu tư không đồng bộ và thi công chủ yếu bằng thủ công, sau nhiều năm khai thác và thường xuyên chịu tác động của mưa, lũ nên nhiều công trình bị xuống cấp, hư hỏng; công tác duy tu, sửa chữa thường xuyên chưa đảm bảo do thiếu kinh phí nên không duy trì được năng lực theo thiết kế ban đầu. Mặt khác, trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thiên tai ngày càng phức tạp, khó lường và sự xuống cấp theo thời gian tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến mất an toàn đập, hồ chứa nước; vì vậy, việc xây dựng Đề án nâng cao năng lực quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi nhằm đánh giá, phân tích thực trạng, đề xuất các giải pháp nâng cao công tác quản lý bảo đảm an toàn và khai thác hiệu quả các hồ chứa thủy lợi là rất cần thiết.

2. Căn cứ pháp lý xây dựng Đề án

- Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

- Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;
- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;
- Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23/01/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;
- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;
- Định hướng Chiến lược Phát triển thủy lợi Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1590/QĐ-TTg ngày 09/10/2009);
- Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 24/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch Thủy lợi khu vực miền Trung giai đoạn 2012-2020 và định hướng đến 2050 trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng;
- Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững (Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ);
- Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2015-2020 (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 và Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 148/QĐ-UBND);
- Quyết định số 1742/QĐ-UBND ngày 05/10/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch Thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 07/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý, đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước.

3. Đối tượng và phạm vi của Đề án

a) Đối tượng:

- Các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi trên địa bàn tỉnh;
- Các hồ chứa nước thủy lợi hiện đang khai thác, sử dụng.

b) Phạm vi Đề án: Các huyện, xã có hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

PHẦN 2

SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Những kết quả đạt được

1. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan quản lý an toàn đập, hồ

chứa nước ngày càng hoàn thiện.

2. Phát huy hiệu quả trong công tác phòng, chống lũ lụt, giảm nhẹ thiên tai cho vùng hạ du.

3. Công tác quản lý vận hành đập, hồ chứa nước trong phục vụ tưới, cấp nước và phối hợp với các hồ thủy điện trong việc chống lũ hạ du ngày càng được nâng cao.

4. Nâng cao khả năng đảm bảo cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dân sinh và góp phần bảo vệ môi trường.

5. Công tác sửa chữa nâng cao an toàn đập được quan tâm đầu tư, năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ, công nhân vận hành hồ chứa từng bước được nâng cao.

II. Những tồn tại, hạn chế

1. Chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi chỉ có Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi đã xây dựng Định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Còn lại, các Tổ chức thủy lợi cơ sở chưa xây dựng được Định mức kinh tế kỹ thuật.

Nhận thức, am hiểu quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập của một số địa phương, tổ chức quản lý công trình còn hạn chế.

- Các hồ chứa nước hiện đang khai thác, sử dụng chưa lắp đặt hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng; 100/123 hồ chứa chưa có Quy trình vận hành điều tiết vì thiếu kinh phí để đo vẽ bình đồ lòng hồ, hoàn công công trình đầu mối và tính toán, xây dựng Quy trình vận hành.

- Một số địa phương xã chưa chú trọng công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa nước, chưa thường xuyên kiểm tra và phát hiện kịp thời tình trạng lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình.

2. Công tác quản lý khai thác

a) Theo quy định về phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi tại Quyết định số 46/2009/QĐ-UBND ngày 28/9/2009 của UBND tỉnh thì:

- Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Quảng Ngãi: Trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ hồ chứa có dung tích hồ $\geq 1,0$ triệu m³ hoặc đập có chiều cao ≥ 15 m.

- UBND xã (phường, thị trấn), tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý khai thác hồ chứa có dung tích hồ < 01 triệu m³ và đập có chiều cao < 15 m.

b) Hiện trạng đơn vị quản lý khai thác hồ chứa: Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Quảng Ngãi và các Tổ chức thủy lợi cơ sở, cụ thể:

- Đối với Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Quảng Ngãi:

+ Về số lượng: Tổng số cán bộ, công nhân viên là 333 người.

+ Về năng lực: Cơ bản đáp ứng yêu cầu năng lực quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.

- Đối với Tổ chức thủy lợi cơ sở:

+ Số lượng: 218 Tổ chức, trong đó: Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp có làm dịch vụ thủy lợi: 132 tổ chức; Tổ hợp tác (Tổ thủy nông, Đội thủy nông): 33 tổ chức; Hợp tác xã dùng nước: 21 tổ chức; các loại hình khác: 32 tổ chức.

+ Về năng lực: Phần lớn các Tổ chức thủy lợi cơ sở chưa đáp ứng đủ yêu cầu theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; lực lượng làm công tác quản lý, vận hành thường biến động, công tác đào tạo, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ cho người trực tiếp vận hành, bảo vệ công trình chưa đáp ứng.

c) Công tác lập, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa: Hiện chỉ có 23/123 hồ chứa nước đã xây dựng quy trình vận hành vì thiếu kinh phí thực hiện.

d) Hệ thống thông tin cảnh báo sớm: Hiện trên địa bàn tỉnh có 25 trạm đo mưa, tuy nhiên chủ yếu phục vụ cảnh báo lũ cho hạ du các sông lớn, chưa có tác dụng phục vụ cảnh báo sớm cho hồ chứa nước.

e) Hệ thống quan trắc công trình: Các hồ chứa nước chưa được lắp đặt hệ thống quan trắc thủy văn chuyên dùng.

f) Công tác cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ hồ chứa thủy lợi: Chỉ có hồ chứa nước Nước Trong đang thi công cấm mốc, tất cả hồ chứa nước còn lại chưa được các chủ đập thực hiện.

g) Xây dựng phương án bảo vệ công trình, phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp của đập, hồ chứa thủy lợi: Các hồ chứa thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi thực hiện cơ bản đầy đủ. Các hồ chứa do địa phương quản lý thực hiện chưa đầy đủ, đảm bảo chất lượng.

h) Hồ sơ lưu trữ công trình: Phần lớn hồ chứa xây dựng trước năm 1989 (83 hồ chứa) thực hiện theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm hoặc nhân dân làm nhà nước hỗ trợ” hiện nay không còn hồ sơ thiết kế, hồ sơ hoàn công.

i) Cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa thủy lợi: Đã có, nhưng chủ yếu là số liệu về kích thước hồ chứa nước và được lưu trữ trên máy vi tính dưới dạng file Word, Excel; chưa xây dựng phần mềm quản lý, lưu trữ.

3. Hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy lợi

- Công tác kiểm định an toàn: Hiện có 01 hồ chứa nước đã thực hiện kiểm định; các hồ chứa còn lại các chủ đập chưa thực hiện.

- Đến cuối quý III/2018, toàn tỉnh có 38 hồ chứa nước bị hư hỏng, xuống cấp nặng cần được sửa chữa, nâng cấp; trong đó, có 18 hồ chứa nước thuộc Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) đầu tư bằng vốn vay Ngân hàng Thế giới và vốn đối ứng; 04 hồ chứa nước được Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ

kinh phí để xử lý cấp bách tại Quyết định số 1207/QĐ-TTg ngày 19/9/2018; còn lại 16 hồ chứa rất cần đầu tư sửa chữa, nâng cấp trong thời gian đến với kinh phí **khoảng 300,0 tỷ đồng**.

- Thực trạng xuống cấp của các hồ chứa như sau:

+ Đập đất: Kích thước mặt cắt ngang không đảm bảo do mái thượng lưu bị sạt lở, lớp đá gia cố mái thượng lưu hầu hết bị hư hỏng, không còn tác dụng, nền và thân đập đất bị thấm lớn có nguy cơ gây mất ổn định đập, không có vật thoát nước hạ lưu đập.

+ Tràn xả lũ: Phần lớn là tràn tự nhiên trên nền đất hoặc đá phong hóa nên bị xói lở. Một số tràn xả lũ làm bằng bê tông hoặc đá xây do xây dựng đã lâu, nay bị xói lở và hư hỏng bề tiêu năng.

+ Cổng lấy nước: Bị rò rỉ dọc thân công, cửa van đóng mở công bị hư hỏng, không kín nước, rất khó khăn trong công tác quản lý, vận hành.

+ Đường quản lý khai thác chưa được kiên cố hóa .v.v...

4. Khoa học công nghệ

- Việc vận hành thiết bị đóng mở công lấy nước, tràn xả lũ chủ yếu là thủ công, quay bằng tay, một số ít là vận hành bằng điện.

- Việc cập nhật và áp dụng các tiến bộ của khoa học kỹ thuật, công nghệ trong lĩnh vực khai thác, quản lý công trình thủy lợi ở mức trung bình của cả nước, chưa áp dụng công nghệ tiên tiến.

5. Nguồn kinh phí đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước

- Nguồn kinh phí đầu tư đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước trong thời gian qua chủ yếu do ngân sách nhà nước đảm nhận, chưa có các thành phần kinh tế khác tham gia quản lý, đầu tư nâng cao an toàn đập, hồ chứa nước.

- Kinh phí đầu tư nâng cao an toàn đập đạt thấp so với yêu cầu (đạt khoảng 30%) do nguồn vốn đầu tư của Trung ương và ngân sách địa phương còn hạn chế.

- Kinh phí để lắp đặt và vận hành các thiết bị quan trắc, hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng, cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình...là quá lớn, vượt quá khả năng chi trả và quản lý của chủ đập.

- Kinh phí duy tu, sửa chữa, bảo trì đập, hồ chứa thủy lợi chiếm khoảng 20% tổng nguồn thu của đơn vị quản lý khai thác công trình (Trong đó: Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Quảng Ngãi đạt khoảng 10%; các Tổ chức thủy lợi cơ sở đạt khoảng 30%) nên chỉ đạt khoảng 30% so với yêu cầu.

6. Công tác đào tạo và phổ biến pháp luật

- Phần lớn đội ngũ cán bộ quản lý khai thác đập, hồ chứa của UBND xã và Tổ chức thủy lợi cơ sở chưa được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nhằm đáp ứng yêu cầu theo quy định.

- Ý thức của một bộ phận dân cư trong việc thực hiện pháp luật về an toàn

đập, hồ chứa thủy lợi chưa cao.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về an toàn đập, hồ chứa nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng chưa được quan tâm đúng mức, nhất là cấp huyện, xã.

III. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

1. Nguyên nhân khách quan

- Các hồ chứa nước nhỏ được thiết kế theo tiêu chuẩn thiết kế cũ nên công trình đầu mối chưa bảo đảm an toàn về khả năng thoát lũ theo tiêu chuẩn mới.

- Sau thời gian dài khai thác sử dụng và thường xuyên chịu tác động của thời tiết và thiên tai nên công trình bị xuống cấp, hư hỏng nhưng thiếu kinh phí duy tu, sửa chữa, bảo trì hàng năm.

2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác quản lý hồ chứa: Hầu hết các hồ chứa nước nhỏ do cấp huyện, xã quản lý đều thiếu cán bộ chuyên ngành thủy lợi, chưa đảm bảo năng lực quản lý vận hành bảo đảm an toàn hồ chứa.

- Nguồn kinh phí nhà nước hỗ trợ việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi chưa đủ trang trải cho công tác duy tu, bảo dưỡng công trình.

PHẦN 3

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. Quan điểm

1. Hoàn thiện và thực thi có hiệu quả văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

2. Đảm bảo an toàn của các đập, hồ chứa thủy lợi và vùng hạ du theo các quy định hiện hành.

II. Mục tiêu

1. Rà soát, hoàn thiện và thực thi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý, khai thác đập, hồ chứa thủy lợi.

2. Hoàn thiện bộ máy tổ chức, củng cố, nâng cao năng lực lực lượng quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi các cấp, nhất là bộ máy quản lý khai thác đập, hồ chứa thủy lợi cấp xã.

3. Từng bước hiện đại hóa công tác quản lý, vận hành, khai thác hồ chứa thủy lợi, tiến dần đến vận hành theo thời gian thực.

3. Đảm bảo an toàn đập, hồ chứa thủy lợi và vùng hạ du công trình.

4. Bảo đảm 100% cán bộ làm công tác quản lý hồ chứa được đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực; quần chúng nhân dân vùng hưởng lợi từng bước nắm được tầm quan trọng của công tác bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước.

III. Nội dung và giải pháp thực hiện

1. Hoàn thiện và thực thi có hiệu quả các quy định về quản lý an toàn đập,

hồ chứa nước:

- Xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước (Thay thế Quyết định số 46/2009/QĐ-UBND ngày 28/9/2009 của UBND tỉnh Quảng Ngãi).

- Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập.

2. Từng bước hiện đại hóa công tác quản lý, vận hành, khai thác đập, hồ chứa nước lớn, tiến đến vận hành theo thời gian thực:

- Xây dựng hệ thống trang thiết bị hỗ trợ nâng cao năng lực vận hành ứng phó với mưa, lũ bảo đảm an toàn đập:

+ Xây dựng hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên lưu vực hồ chứa thủy lợi.

+ Xây dựng, lắp đặt hệ thống quan trắc công trình.

+ Xây dựng hệ thống giám sát vận hành đập, hồ chứa nước.

+ Lắp đặt hệ thống cảnh báo lũ.

+ Lập quy trình vận hành đối với các hồ chứa chưa có quy trình vận hành; điều chỉnh, bổ sung quy trình vận hành hồ chứa không còn phù hợp.

- Thiết lập phòng điều hành trung tâm.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu quản lý đập, hồ chứa nước phục vụ công tác chỉ đạo vận hành. Lập hồ sơ lưu trữ điện tử toàn bộ các hồ đập.

3. Đảm bảo an toàn đập, hồ chứa thủy lợi và vùng hạ du:

- Thực hiện đăng ký an toàn đập, kiểm định an toàn đập theo quy định.

- Rà soát, đánh giá khả năng xả lũ theo tiêu chuẩn hiện hành, từng bước nâng mức đảm bảo an toàn cho hồ chứa lớn.

- Xây dựng phương án chủ động bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du.

- Hàng năm, tổ chức kiểm tra đập, hồ chứa thủy lợi, lập danh mục và sắp xếp thứ tự ưu tiên, lộ trình đầu tư sửa chữa, nâng cấp các đập, hồ chứa thủy lợi hư hỏng, xuống cấp, có nguy cơ mất an toàn.

- Thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng, bảo trì công trình đập, hồ chứa thủy lợi theo quy định.

- Cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi.

- Sửa chữa, nâng cấp 16 hồ chứa nước bị xuống cấp nặng được nêu tại Điểm 3, mục II, phần I. (Chi tiết có Phụ lục 01 kèm theo)

4. Khoa học công nghệ

- Ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong quan trắc, dự báo, cảnh báo sớm để vận hành hồ chứa theo thời gian thực.

- Xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa thủy lợi và cập nhật toàn bộ cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa nước toàn tỉnh lên phần mềm.

5. Hoàn thiện tổ chức bộ máy, đào tạo, nâng cao năng lực

- Củng cố, phát triển lực lượng quản lý chuyên trách có đủ năng lực chuyên môn để quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi.

- Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho lực lượng quản lý, khai thác đập, hồ chứa thủy lợi, đặc biệt là đối với lực lượng quản lý khai thác đập, hồ chứa thủy lợi vừa và nhỏ.

PHẦN 4 TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Thời gian và lộ trình thực hiện

1. Đề án được triển khai thực hiện sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

2. Định kỳ tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ tướng Chính phủ.

3. Năm 2022: Tổ chức đánh giá sơ kết giữa giai đoạn để rút kinh nghiệm.

4. Năm 2025: Tổng kết đánh giá Đề án.

II. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Trách nhiệm của các Sở ngành

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi; hướng dẫn và kiểm tra các địa phương, đơn vị liên quan trong tổ chức thực hiện công tác quản lý, đảm bảo an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; đề xuất cơ chế, chính sách để thực hiện Đề án.

- Tổng hợp, báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm; báo cáo sơ kết, tổng kết Đề án cho UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn theo kế hoạch thực hiện Đề án, lồng ghép vốn các chương trình, dự án khác để bảo đảm Đề án được phát huy hiệu quả.

c) Sở Xây dựng: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong công tác kiểm tra an toàn đập, hồ chứa thủy lợi theo quy định.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc xây dựng hệ thống quan trắc thủy văn chuyên dùng, công tác cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi.

e) Sở Thông tin và Truyền thông: Xây dựng nội dung tuyên truyền Đề án; thông tin, phản ánh kịp thời các thông tin liên quan an toàn đập, hồ chứa.

f) Sở Khoa học và Công nghệ: Ưu tiên lựa chọn các đề tài, dự án ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Đề án trên địa bàn huyện theo phân cấp.

- Chỉ đạo UBND cấp xã và các Tổ chức thủy lợi cơ sở củng cố, phát triển

lực lượng quản lý chuyên trách đủ năng lực chuyên môn để quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi.

3. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi: Tổ chức thực hiện theo nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị quản lý khai thác công trình đối với các hồ chứa nước do Công ty quản lý để đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước.

III. Kinh phí thực hiện Đề án

1. Dự kiến kinh phí thực hiện Đề án: **450,0 tỷ đồng**, trong đó:
 - Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước: 300,0 tỷ đồng
 - Tăng cường năng lực quản lý: 80,0 tỷ đồng
 - Kinh phí bảo trì: 70,0 tỷ đồng

(Chi tiết có Phụ lục 02 kèm theo)

2. Nguồn vốn thực hiện: Vốn ngân sách Trung ương, vốn vay ODA và các nguồn vốn hợp pháp khác.

IV. Dự kiến hiệu quả của Đề án

1. Ý nghĩa thực tiễn của Đề án
 - Tăng mức độ đảm bảo an toàn đập và vùng hạ du công trình.
 - Nâng cao năng lực cho các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi.
 - Đảm bảo cấp nước cho nông nghiệp, công nghiệp và dân sinh .v.v...
 - Tăng tuổi thọ công trình, nâng cao hiệu quả khai thác.
 - Góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng hưởng lợi của Đề án

- Nhân dân vùng dự án và hạ du đập, hồ chứa nước.
- Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Quảng Ngãi, Tổ chức thủy lợi cơ sở đang quản lý, khai thác hồ chứa nước.

3. Những khó khăn khi thực hiện Đề án

Kinh phí thực hiện Đề án chưa được cân đối trong Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 và ngân sách địa phương còn nhiều khó khăn nên rất cần sự quan tâm, đầu tư của Trung ương để thực hiện Đề án.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Đề án Nâng cao năng lực quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi được lập trên cơ sở hiện trạng hạ tầng thủy lợi, tình hình quản lý khai thác công trình thủy lợi, việc thực hiện các quy định pháp luật về an toàn đập, hồ chứa nước của các địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Việc xây dựng Đề án là cần thiết nhằm nâng cao an toàn đập, hồ chứa nước; nâng cao năng lực quản lý, khai thác công trình và hiệu quả cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế khác .v.v...

2. Kiến nghị: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quan tâm bố trí ngân sách Trung ương thực hiện Đề án và hướng dẫn địa phương thực hiện tốt Đề án sau khi được phê duyệt.

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Tổng cục Thủy lợi;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT;
Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(TV412).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tăng Bính



PHỤ LỤC 01

MỤC 16 HỒ CHỨA CẢN ĐẦU TƯ SỬA CHỮA, NÂNG CẤP

Đề án số ~~6977~~ **ĐA-UBND** ngày **23/10/2018** của **UBND tỉnh Quảng Ngãi**

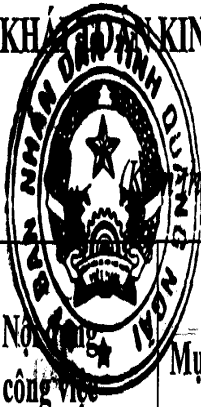
TT	Tên hồ chứa	Địa điểm (xã, huyện)	Thông số kỹ thuật					Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)	Hiện trạng công trình		
			Flv (km ²)	Wtrữ toàn bộ (10 ⁶ m ³)	Ftưới thiết kế (ha)	Đập chính			Đập đất	Công lấy nước	Tràn xả lũ
						Hmax (m)	L (m)				
TỔNG CỘNG								300,0			
1	Hồ Vàng	Tịnh Hiệp, Sơn Tịnh	5,0	0,5	150	11,0	360	20,0	Thâm nặng	Hồng nặng	Hồng vừa
2	Hòa Hải	Bình Hòa, Bình Sơn	1,0	0,4	50	8,0	80	17,0	Thâm nặng	Hồng vừa	Hồng vừa
3	Đội 14	Bình Long, Bình Sơn	1,3	0,5	15	9,2	125	15,0	Thâm nặng	Hồng nặng	Hư nặng
4	Đá Bạc	Bình An, Bình Sơn	0,7	0,4	110	8,7	349	15,0	Thâm nặng	Hồng nhẹ	Hồng nhẹ
5	Hóc Dọc	Bình Nguyên, Bình Sơn	1,2	0,4	95	10,5	217	25,0	Thâm nặng	Hồng vừa	Hồng vừa
6	Hàm Rồng	Bình Chánh, Bình Sơn	2,0	0,6	120	9,1	171	20,0	Thâm nặng	Hồng vừa	Hồng vừa
7	Đá Chông	Tịnh Bình, Sơn Tịnh	3,5	0,7	50	8,0	226	17,0	Thâm nặng	Hồng nặng	Hồng nhẹ
8	Tân An	Bình Minh, Bình Sơn	0,6	0,1	15	8,1	165	18,0	Thâm nặng	Hồng nặng	Hồng vừa
9	Hóc Lùng	Tịnh Phong, Sơn Tịnh	1,0	0,7	30	7,5	120	18,0	Thâm nặng	Hồng nặng	Hồng vừa
10	Phước Tích	Bình Mỹ, Bình Sơn	1,1	0,2	40	6,0	120	15,0	Thâm nặng	Hồng nặng	Hồng vừa
11	Biều Qua	Long Sơn, Minh Long	2,1	1,1	194	19,0	318	25,0	Thâm nặng	Hồng nặng	Hồng vừa
12	Lỗ Thùng	Đức Phú, Mộ Đức	2,2	0,5	160	12,7	405	25,0	Thâm nặng	Hồng vừa	Hồng vừa
13	Ruộng Choạy	Bình Đông, Bình Sơn	1,4	0,5	50	7,0	131	20,0	Thâm nặng	Hồng nhẹ	Hồng nhẹ
14	Đội 13	Bình Long, Bình Sơn	0,4	0,1	30	9,0	70	10,0	Thâm nặng	Hồng nhẹ	Hồng nhẹ
15	Hồ Lỡ	Bình Minh, Bình Sơn	0,8	0,1	10	2,5	40	20,0	Thâm nặng	Hồng vừa	Hồng vừa

16	Hóc Tùng	Tỉnh Thọ, Sơn Tịnh	2,4	0,4	50	11,5	143	20,0	Thâm nặng	Hông nặng	Hông vừa
----	-------------	-----------------------	-----	-----	----	------	-----	------	--------------	--------------	-------------

(Thông số kỹ thuật sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư)

PHỤ LỤC 02

**KHÁNH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN LÝ AN TOÀN ĐẬP,
HỒ CHỨA THỦY LỢI TỈNH QUẢNG NGÃI**



Theo Đề án số 6477/ĐA-UBND ngày 23/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

TT	Nội dung công việc	Mục tiêu và nhiệm vụ	Quy mô hạng mục công việc dự kiến đầu tư	Kế hoạch vốn thực hiện Đề án (tỷ đồng)							Tổng kinh phí (tỷ đồng)
				Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
I	Phần công trình			20,0	20,0	30,0	90,0	90,0	60,0	60,0	370,0
1	Sửa chữa, nâng cấp 16 hồ chứa nước bị hư hỏng, xuống cấp	Đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước và vùng hạ du công trình	Sửa chữa, nâng cấp đập đất, công lấy nước, tràn xả lũ	10	10	20	80	80	50	50	300,0
2	Kinh phí bảo trì đập, hồ chứa nước	Đảm bảo tuổi thọ công trình	123 hồ chứa nước	10	10	10	10	10	10	10	70,0
II	Phần phi công trình			10,8	15,8	16,0	14,7	13,6	5,3	3,8	80,0
1	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho lực lượng quản lý, khai thác đập, hồ chứa thủy lợi	Đáp ứng yêu cầu theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018	Giai đoạn 2019-2021: 02 lớp/năm; giai đoạn sau 2021: 01 lớp/năm; mỗi lớp 50 người.	0,2	0,2	0,2	0,2	0,1	0,1	0,1	1,1
2	Lập Quy trình vận	Đáp ứng yêu cầu theo	36 hồ chứa nước	2	2	2	2	2			10,0

TT	Nội dung công việc	Mục tiêu và nhiệm vụ	Quy mô hạng mục công việc dự kiến đầu tư	Kế hoạch vốn thực hiện Đề án (tỷ đồng)							Tổng kinh phí (tỷ đồng)	
				Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		
	hành cho 36 hồ chứa nước lớn và vừa	Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018	lớn và vừa									
3	Điều chỉnh Quy trình vận hành cho 23 hồ chứa nước lớn và vừa	Đáp ứng yêu cầu theo Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018	23 hồ chứa nước lớn và vừa		0,5	0,5	0,5	0,5	0,5			2,5
4	Lắp đặt thiết bị quan trắc công trình cho 58 hồ chứa nước lớn và vừa	Đảm bảo nâng cao an toàn đập, hồ chứa nước	58 hồ chứa nước lớn và vừa	5,8	5,8	5,8	5,8	5,8				29,0
5	Xây dựng hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng	Đáp ứng yêu cầu theo Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018	58 hồ chứa lớn và vừa; trong đó có 03 hồ chứa có cửa van	0,8	0,8	0,8						2,4
6	Kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước	Đáp ứng yêu cầu theo Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018	58 hồ chứa nước lớn và vừa	2,0	2,0	2,0	1,5	1,5	1,5	1,5		12,0
7	Lắp đặt hệ thống giám sát vận hành	Giám sát vận hành công trình đầu mối và	03 hồ chứa lớn có cửa van		1,0	1,0	1,0					3,0

TT	Nội dung công việc	Mục tiêu và nhiệm vụ	Quy mô hạng mục công việc dự kiến đầu tư	Kế hoạch vốn thực hiện Đề án (tỷ đồng)							Tổng kinh phí (tỷ đồng)
				Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
	đập, hồ chứa nước	kiểm tra tình hình ngập lụt hạ du									
8	Lắp đặt hệ thống cảnh báo lũ	Phục vụ cảnh báo lũ đối với hồ chứa lớn có cửa van	Trên lưu vực 04 hồ chứa có cửa van		0,5	0,5	0,5	0,5			2,0
9	Cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Đáp ứng yêu cầu theo Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT	40 hồ chứa nước (dung tích hồ \geq 0,5 triệu m ³ hoặc đập có chiều cao \geq 15m)		2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	12,0
10	Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập, hồ chứa nước	Nâng cao khả năng phòng tránh thiên tai khi hồ xả theo quy trình và xả theo tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập	Vùng hạ du bị ảnh hưởng bởi nhiều đập: Lưu vực sông Trà Khúc, sông Vệ			1,0	1,0	1,0	1,0		4,0
11	Xây dựng cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa thủy lợi	Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về đập, hồ chứa nước	123 hồ chứa nước		1,0	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	2,0
TỔNG CỘNG				30,8	35,8	46,0	104,7	103,6	65,3	63,8	450,0